ANNEX Ia: Access List for the 2011/12 UEFA Club Competitions

UEFA Champions League							Association		UEFA Europa League				
Group	Champions				League				Group	PO	Q3	Q2	Q1
	PO	Q3	Q2	Q1	PO	Q3	Rank.						
TH									TH + UCL 10 teams (PO)	UCL 15 teams (Q3)			FP - 3 teams
CH RU N3					N4		1	England		CW N5	N6		
CH RU N3					N4		2	Spain		CW N5	N6		
CH RU N3					N4		3	Italy		CW N5	N6		
CH RU					N3		4	Germany		CW N4	N5		
CH RU					N3		5	France		CW N4	N5		
CH RU						N3	6	Russia		CW N4	N5		
CH						RU	7	Ukraine		CW N3	N4	N5	
CH						RU	8	Romania		CW N3	N4	N5	
CH						RU	9	Portugal		CW N3	N4	N5	
CH						RU	10	Netherlands		CW	N3	N4	
CH						RU	11	Turkey		CW	N3	N4	
CH						RU	12	Greece		CW	N3	N4	
		CH				RU	13	Switzerland		CW	N3	N4	
		CH				RU	14	Belgium		CW	N3	N4	
		CH				RU	15	Denmark		CW	N3	N4	
			CH				16	Scotland			CW RU	N3	
			CH				17	Bulgaria			CW RU	N3	
			CH				18	Czech Republic			CW RU	N3	
			CH				19	Austria			CW	RU N3	
			CH				20	Israel			CW	RU N3	
			CH				21	Cyprus			CW	RU N3	
			CH				22	Norway			CW	RU	N3
			CH				23	Slovakia			CW	RU	N3
			CH				24	Sweden			CW	RU	N3
			CH				25	Serbia			CW	RU	N3
			CH				26	Poland			CW	RU	N3
			CH				27	Croatia			CW	RU	N3
			CH				28	Belarus				CW RU	N3
			CH				29	Republic of Ireland				CW RU	N3
			CH				30	Finland				CW RU	N3
			CH				31	Bosnia-Herzegovina				CW RU	N3
			CH				32	Lithuania				CW RU	N3
			CH				33	Latvia				CW	RU N3
			CH				34	Moldova				CW	RU N3
			CH				35	Slovenia				CW	RU N3
			CH				36	Hungary				CW	RU N3
			CH				37	Georgia				CW	RU N3
			CH				38	Azerbaijan				CW	RU N3
			CH				39	Iceland				CW	RU N3
			CH				40	FYR Macedonia				CW	RU N3
							41	Liechtenstein				CW	
			CH				42	Kazakhstan				CW	RU N3
			CH				43	Estonia				CW	RU N3
			CH				44	Albania				CW	RU N3
			CH				45	Armenia				CW	RU N3
			CH				46	Wales				CW	RU N3
			CH				47	Montenegro				CW	RU N3
				CH			48	Faroe Islands				CW	RU N3
				CH			49	Northern Ireland				CW	RU N3
				CH			50	Luxembourg				CW	RU N3
				CH			51	Andorra				CW	RU N3
				CH			52	Malta					CW RU
				CH			53	San Marino					CW RU
	5 qualified				5 qualified					37 qualified			
Number of teams							Total		Number of teams				
22	0	3	31	6	5	10	239		11	39	30	53	54

TH = title-holder / tenant du titre / Titelhalter
CH = domestic champion club / champion national / Landesmeister
RU = dometic league runner-up / vice-champion national / Vizelandesmeister
N3 = domestic league 3rd-placed club / 3e du championnat national / 3. der nationalen Meisterschaft
N4 = domestic league 4th-placed club / 4e du championnat national / 4. der nationalen Meisterschaft
N5 = domestic league 5th-placed club / 5e du championnat national / 5. der nationalen Meisterschaft
N6 = domestic league 6th-placed club / 6e du championnat national / 6. der nationalen Meisterschaft
CW = domestic cup-winner / vainqueur de coupe national / nationaler Pokalsieger
FP = club qualified via Fair Play rankings / qualifié via classement du fair-play / Vereine aus Fairplay-Wertung
Q = qualifying rounds / tours de qualification / Qualifikationsrunden
PO = play-offs
UCL = UEFA Champions League

N.B.: If the access list needs to be adjusted once all the participants are known and admitted, priority for the UEFA Europa League will be given to the winners of the domestic cups (in accordance with the entry stage as per the access list). The adjusted list will be announced by circular letter.